

Bản án số: 484/2019/DS-ST

Ngày: 31/10/2019

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Tứ Nhị

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Thành Viên

- Bà Lê Thị Thanh Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tú – Thư ký Toà án

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 625/2018/TLST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 226/2019/QĐXX-ST ngày 09 tháng 9 năm 2019 (và Quyết định hoãn phiên tòa số 207/2019/QĐHPT-ST ngày 04 tháng 10 năm 2019) giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP AC, trụ sở chính: Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh T, sinh năm 1971; địa chỉ: quận 10, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Văn Q, sinh năm 1965; Địa chỉ: quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Văn bản ủy quyền số 1115/UQ – QLN.18 ngày 19/10/2018.

Bị đơn: Bà Lê Kim H, sinh năm 1991; địa chỉ: quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh.

(Đại diện nguyên đơn có đơn xin vắng mặt; Bị đơn vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP AC, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 29/9/2014 bà Lê Kim H có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng; Bản các điều khoản và các điều kiện sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng TMCP AC về việc sử dụng thẻ tín dụng. Ngân hàng đã cấp cho bà H thẻ tín dụng số 4791282530116901, hạn mức 20.000.000 đồng. Hiệu lực thẻ 36 tháng. Lãi vay được tính trên số dư nợ theo

lãi suất cho vay thẻ do Ngân hàng TMCP AC ban hành tại từng thời điểm. Lãi suất của nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay. Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngân hàng đã chuyển nợ quá hạn từ ngày 23/12/2016. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Lê Kim H có nghĩa vụ thanh toán dư nợ gốc và lãi tính đến ngày 31/10/2019 như sau:

- Nợ gốc: 21.611.951 đồng;

- Nợ lãi: 26.479.529 đồng;

Tổng cộng: 48.091.480 đồng.

Thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Và lãi phát sinh tính từ ngày 01/11/2019 theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên đã ký kết cho đến khi thi hành án xong.

Bị đơn là bà Lê Kim H mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đến tòa án làm bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn không đến. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án cũng đã tổng đạt thông báo về kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và bảo lưu quan điểm khởi kiện như trên.

Bị đơn vắng mặt không ghi nhận được ý kiến.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy trình tố tụng giải quyết vụ án.

Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp nhận thấy có cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Bị đơn còn phải tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận của hợp đồng cho đến khi thi hành án xong.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm tính trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn. Trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. Về tố tụng:

1.1 Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Bà Lê Kim H có vay tiền của Ngân hàng TMCP AC để phục vụ nhu cầu tiêu dùng cá nhân nên xác định giữa bà Hương và Ngân hàng TMCP AC có giao kết hợp đồng dân sự thông qua hình thức cấp tín dụng. Do đó, quan hệ tranh chấp được xác

định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” quy định tại các điều 471, 474 [Bộ luật dân sự 2005](#); Khoản 2 Điều 91 [Luật Tổ chức tín dụng năm 2010](#);

Tòa án đã ban hành Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ, kết quả xác minh tình trạng cư trú của bị đơn như sau: “Đương sự Lê Kim H, sinh năm 1991 không còn tạm trú tại số --- quận Gò Vấp từ năm 2018 đến nay.” Điều này cho thấy người khởi kiện đã cung cấp đầy đủ và đúng địa chỉ cư trú của người bị kiện nhưng người bị kiện thay đổi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú. Thể hiện mục đích che dấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ của bị đơn.

Do bị đơn không thanh toán nợ đúng hạn nên nguyên đơn khởi kiện bị đơn tại nơi cư trú cuối cùng là quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh, điều này phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2 Về người tham gia tố tụng:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Đào Văn Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án nên bị đơn đã tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án làm căn cứ để xem xét giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn theo khoản 4 Điều 91; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Xét yêu cầu của các đương sự:*

2.1 Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, các bản tự khai, biên bản ghi nhận ý kiến và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn; Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 29/9/2014; Bản các điều khoản và các điều kiện sử dụng thẻ tín dụng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã có cơ sở để khẳng định: Nguyên đơn có cấp thẻ tín dụng số 4791382530116901 cho bị đơn sử dụng với hạn mức 20.000.000 đồng. Hiệu lực sử dụng thẻ là 36 tháng bằng hình thức tín chấp. Lãi vay được tính trên số dư nợ theo lãi suất cho vay thẻ do Ngân hàng TMCP AC ban hành tại từng thời điểm. Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngân hàng đã chuyển nợ quá hạn từ ngày 23/12/2016. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Lê Kim H có nghĩa vụ thanh toán dư nợ gốc và lãi tính đến ngày 31/10/2019, cụ thể là:

- Nợ gốc: 21.611.951 đồng;

- Nợ lãi: 26.479.529 đồng;

Tổng cộng: 48.091.480 đồng.

Thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Và lãi phát sinh tính từ ngày 01/11/2019 theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên đã ký kết cho đến khi thi hành án xong.

Yêu cầu này của nguyên đơn được các bên tự nguyện thỏa thuận tại các Điều 3,4,5,6,7 và 8 của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 29/9/2014.

Xét, chủ thể ký kết nội dung và hình thức giao kết phù hợp với các quy định về cho vay thông qua nghiệp vụ tín dụng và phù hợp quy định của pháp luật tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng và các 471, 474 [Bộ luật dân sự 2005](#) nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Cần buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số nợ trên cho nguyên đơn, thanh toán làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Bị đơn còn phải tiếp tục thanh toán lãi quá hạn đối với khoản nợ gốc kể từ sau khi tuyên án sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Mức án phí bị đơn phải chịu là 5% của số tiền buộc phải thanh toán cho nguyên đơn. Hoàn tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[4] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tại phiên tòa là phù hợp với phần nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 4 Điều 91, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 463, khoản 1 Điều 466 và điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 471, 474 [Bộ luật dân sự 2005](#)

Căn cứ Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 6, 7, 9 và 30 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật phí và lệ phí và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP AC do ông Đào Văn Q làm đại diện đối với bị đơn là bà Lê Kim H.

Bà Lê Kim H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP AC số tiền 48.091.480 đồng (bốn mươi tám triệu, chín mươi một ngàn, bốn trăm tám mươi đồng). Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn còn phải tiếp tục thanh toán lãi quá hạn đối với khoản nợ gốc kể từ sau khi tuyên án sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Kim H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.404.574 đồng (hai triệu, bốn trăm lẻ bốn ngàn, năm trăm bảy mươi bốn đồng).

Hoàn tiền tạm nộp án phí cho Ngân hàng TMCP AC là 887.412 đồng theo biên lai thu số AA/2018/0001782 ngày 26/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận :

- TAND TPHCM;
- VKSNDQGV;
- CCTHADS QGV;
- Đương sự;
- Lưu VP, HS.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Lê Tứ Nhị